

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025,
định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII thống nhất quyết nghị Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, định hướng đến năm 2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XVII, xác định những nhiệm vụ trọng tâm, mục tiêu, giải pháp cụ thể, làm cơ sở để các cấp, các ngành tổ chức thực hiện, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch của ngành, địa phương, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, phấn đấu đến năm 2025 Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao và năm 2030 thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước.

2. Yêu cầu

- Quán triệt và triển khai thực hiện toàn diện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra.

- Xác định các đề án, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, lựa chọn những mục tiêu, giải pháp đột phá để tập trung chỉ đạo, phân công cụ thể cho các cấp ủy đảng, đảng đoàn, Ban cán sự đảng, các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra giám sát; đánh giá kết quả thực hiện, sơ, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

II. NỘI DUNG

A. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Chương trình tái cơ cấu các ngành kinh tế và định hướng phát triển vùng miền

1.1. Chương trình phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

1.1.1. Mục tiêu: Nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển bền vững, liên kết chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân hàng năm tăng 2,5 - 3%.

1.1.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, liên kết theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, gắn với công nghiệp bảo quản, chế biến, đóng gói, nhãn mác sản phẩm; ưu tiên phát triển các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên.

- Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất gắn với đẩy mạnh cơ giới hóa và công nghệ sau thu hoạch.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, đại gia súc; áp dụng các tiến bộ sinh học trong xử lý chất thải.

- Quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển rừng bền vững.

- Đến cuối năm 2025, phấn đấu có thêm 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có 75% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; không có xã dưới 10 tiêu chí. Đến năm 2030, phấn đấu có 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, có 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Xây dựng Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

1.1.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững sau thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất để xác định quy mô diện tích các loại sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương, có cơ chế hỗ trợ đầu tư thích hợp, thúc đẩy phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết, nâng cao giá trị gia tăng.

- Khuyến khích, hỗ trợ đầu tư các cơ sở sản xuất giống lợn cấp ông bà, bố mẹ. Chú trọng phát triển chăn nuôi sạch, chăn nuôi hữu cơ để nâng cao chất lượng; tăng cường liên kết để giải quyết đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi. Khôi phục và phát triển tổng đàn lợn; tổng đàn bò và tiếp tục Chương trình Zebu hóa đạt 70% tổng đàn trở lên.

- Chuyển mạnh sang trồng rừng gỗ lớn theo tiêu chuẩn quốc tế FSC; ứng dụng, chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô cây keo lai. Trồng mới rừng tập trung đạt 6.500 - 7.000 ha; duy trì độ che phủ rừng ổn định từ 49 - 50%. Đưa tỉnh Quảng Trị trở thành một trong những trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung vào năm 2030.

- Có giải pháp hỗ trợ, nhân rộng diện tích lúa hữu cơ, phấn đấu đến năm 2025 có trên 1.000 ha lúa hữu cơ, canh tác tự nhiên. Ưu tiên bố trí các nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp theo mô hình liên kết với nông dân, nông thôn.

- Khuyến khích đầu tư các đội tàu khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần xa bờ; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại cho ngư dân để nâng cao năng lực đánh bắt, bảo vệ nguồn lực thủy sản, gắn với nhiệm vụ giữ vững chủ quyền biển đảo. Tập trung nghiên cứu, chuyển giao quy trình công nghệ chế biến thủy sản. Đến năm 2025, số tàu cá chiều dài trên 15m có công suất trên 9cv đạt 250 chiếc; sản lượng thủy sản đạt 40.000 tấn; diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 3.600 - 3.800 ha, trong đó có ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để nâng cao năng suất giá trị nuôi tôm trên mỗi đơn vị diện tích.

- Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi hiện có để phát huy tối đa năng lực thiết kế; đảm bảo tưới chủ động trên 90% diện tích đất trồng lúa 02 vụ, vùng màu và cây công nghiệp 5.500 - 6.000 ha, cấp nước cho nuôi trồng thủy sản 2.500 ha; ngăn mặn giữ ngọt 15.500 ha; tăng cường khả năng thoát lũ cho các vùng dân cư; chủ động tiêu úng 21.500 ha đất sản xuất nông nghiệp. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; cơ sở hạ tầng phục vụ các vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Duy trì và phát triển vững chắc kết quả xây dựng nông thôn mới của các xã đã đạt chuẩn; đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu, nhất là đối với các vùng khó khăn.

1.1.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực nông nghiệp chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng

lĩnh vực được phân công; các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

1.2. Chương trình phát triển các ngành công nghiệp - xây dựng

1.2.1. Mục tiêu: Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh theo hướng hiện đại, có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường. Phần đầu giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm tăng 11 - 12%.

1.2.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển công nghiệp năng lượng.

- Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, có giá trị gia tăng cao, các dự án đầu tư công nghiệp lớn, công nghệ tiên tiến.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư và tiến độ triển khai thực hiện các dự án động lực tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và các khu công nghiệp.

- Tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ trong sản xuất và xử lý môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Chú trọng phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến.

1.2.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Phát triển các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế như: Công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản (*nhất là công nghiệp chế biến gỗ*), công nghiệp silicat, công nghiệp sử dụng khí (*từ mỏ Báo Vàng, mỏ Kèn Bầu*) công nghiệp may mặc.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các dự án năng lượng tái tạo đã được quy hoạch.

- Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị làm hạt nhân phát triển công nghiệp, trong đó tập trung hoàn thành và đưa vào hoạt động các dự án trọng điểm như Dự án nhiệt điện than BOT 1, Dự án Nhà máy điện tua bin khí hỗn hợp Quảng Trị 340 MW, Dự án nhiệt điện khí hóa lỏng LNG...

- Kiến nghị Chính phủ bổ sung dự án Hệ thống đường ống dẫn khí mỏ Kèn Bầu về Quảng Trị và nâng công suất Nhà máy xử lý khí tại Quảng Trị vào “Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến

năm 2035”; bổ sung Quy hoạch điện lực Quốc gia (*Tổng sơ đồ điện VIII*) các dự án nhiệt điện khí sử dụng nguồn khí từ mỏ Kèn Bầu để kêu gọi đầu tư.

- Quy hoạch và phát triển các cơ sở công nghiệp, logistics dọc Quốc lộ 15D, Quốc lộ 49 nối Cửa khẩu quốc tế La Lay với Cảng biển Mỹ Thủy.

- Phát triển Khu Công nghiệp Nam Đông Hà theo hướng công nghiệp sạch, công nghệ cao; thu hút các dự án phù hợp, đúng quy hoạch vào Khu Công nghiệp Quán Ngang; tạo điều kiện sớm thành lập và hoàn thành cơ sở hạ tầng, kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư vào Khu Công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá; Khu Công nghiệp Quảng Trị (*VSIP 8*), Khu Công nghiệp đa ngành Triệu Phú.

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Nâng cao năng lực ngành xây dựng, tiếp cận và làm chủ khoa học, công nghệ - kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước, nhất là đối với các công trình có trình độ kỹ thuật cao trong lĩnh vực xây dựng.

- Hoàn thành Đề án về huy động nguồn lực đầu tư phát triển; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo.

1.2.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực công nghiệp chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

1.3. Chương trình phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch

1.3.1. Mục tiêu: Nâng cao chất lượng và hiệu quả các loại hình dịch vụ, phát triển mạnh dịch vụ du lịch tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và từng địa phương để sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phân đấu giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ bình quân hàng năm tăng 7 - 7,5%.

1.3.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Đổi mới nhận thức và tư duy về phát triển du lịch; cơ cấu lại ngành du lịch phát triển bền vững theo quy luật kinh tế thị trường.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Chương trình hành động số 83-CTHD/TU, ngày 25/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, xuất khẩu hàng hóa.

- Nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch - dịch vụ, nhất là các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng và kết nối giao thông thuận lợi cho phát triển du lịch, dịch vụ.

1.3.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Xây dựng các sản phẩm du lịch - dịch vụ địa phương có sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao; liên kết tìm kiếm thị trường tiêu thụ, xây dựng thương hiệu quốc gia, chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù riêng có.

- Phát triển hệ thống chợ đầu mối, chợ nông thôn, chợ chuyên doanh, các trung tâm phân phối hàng hóa, trung tâm thương mại, siêu thị văn minh, hiện đại. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Tập trung mọi giải pháp đẩy nhanh tiến độ, hiện đại hóa các công trình, dự án du lịch ven biển đã được cấp chủ trương đầu tư. Triển khai đầu tư các tổng kho xăng dầu trên địa bàn theo quy hoạch.

- Thu hút đầu tư, phát triển mạnh dịch vụ vận tải, mạng lưới kho bãi; liên kết đẩy mạnh dịch vụ logistics nghiên cứu từng bước xây dựng Quảng Trị trở thành điểm trung chuyển hàng hóa của các nước trong khu vực vào năm 2030. Nghiên cứu phát triển Khu kinh tế - thương mại Lao Bảo gắn với định hướng hình thành Khu Kinh tế xuyên biên giới.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” để khuyến khích xây dựng thương hiệu hàng hóa, các sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu du lịch, điểm du lịch, các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp.

- Tập trung làm tốt công tác quy hoạch và thu hút đầu tư các dự án du lịch nghỉ dưỡng có quy mô lớn.

- Phát triển du lịch lịch sử - chiến tranh cách mạng là sản phẩm du lịch đặc trưng của Quảng Trị trở thành thương hiệu du lịch hòa bình của cả nước, đồng thời tạo ra những sản phẩm du lịch mới. Kết nối các sản phẩm du lịch địa phương trong tỉnh và ngoài tỉnh gắn với các sản phẩm du lịch “*Con đường Huyền thoại*”, “*Con đường Di sản*”. Tôn tạo khu di tích đặc biệt quốc gia đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải và các di tích lịch sử, văn hóa khác. Xây dựng, định hình và triển khai hiệu quả Lễ hội “*Vì Hòa bình*”; Khu du lịch cộng đồng Hệ thống giếng cổ Gio An (*Gio Linh*);

du lịch biển, đảo Côn Cỏ; đồng thời, khảo sát, đánh giá, khai thác thêm các tuyến, điểm du lịch có tiềm năng của tỉnh.

- Chú trọng tạo ra nhiều sản phẩm đặc sắc phục vụ du lịch.
- Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

1.3.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực thương mại, du lịch chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

2. Chương trình cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và phát triển doanh nghiệp

2.1. Mục tiêu: Xây dựng nền hành chính của tỉnh hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, lấy kết quả phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp làm tiêu chí đánh giá; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

2.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng, vận hành hiệu quả chính quyền điện tử, ứng dụng mạnh mẽ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào quản lý, điều hành.

- Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính. Phấn đấu chỉ số cải cách hành chính (*PAR INDEX*) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (*PAPI*) thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu của cả nước.

- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phấn đấu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*PCI*) nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành khá của cả nước.

- Phát huy vai trò kiến tạo, tiếp tục sắp xếp, đổi mới nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế. Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa; hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

2.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý nhà nước, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 5980/KH-UBND, ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Xây dựng thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị cơ bản đáp ứng các tiêu chí đô thị thông minh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá để phát hiện và kiên quyết cắt giảm hoặc đề xuất cắt giảm thủ tục hành chính các thủ tục hành chính còn gây phiền hà.

- Công khai, minh bạch việc cung cấp thông tin, tài liệu pháp lý, quy hoạch, kế hoạch, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh.

- Hoàn thành nhiệm vụ cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; thoái phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa theo lộ trình đề ra; đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ kinh phí hoạt động.

- Thí điểm xây dựng một số đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

- Huy động và nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, phấn đấu đến năm 2025, thành lập mới khoảng 1.500 - 2.000 doanh nghiệp.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đổi mới và phát triển công nghệ, hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách địa phương để tiếp tục hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hỗ trợ doanh nghiệp trong xây dựng liên kết với hợp tác xã và người dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và các đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công. Các địa phương, đơn vị liên quan phối hợp, tổ chức thực hiện.

3. Chương trình huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng; phát triển đô thị

3.1. Mục tiêu: Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; ưu tiên xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, bình đẳng và thuận lợi để thu hút, huy động các nguồn vốn đầu tư bên ngoài; đổi mới nội dung và hình thức vận động xúc tiến đầu tư.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ; phát triển hạ tầng đô thị hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phần đầu tỷ trọng tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP giai đoạn 2021 - 2025 là 50%; giai đoạn 2026 - 2030 chiếm dưới 45%.

3.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Nâng cao chất lượng, hiệu lực quản lý và năng lực tổ chức thực hiện các đồ án quy hoạch, chú trọng xây dựng các đề án, quy hoạch phục vụ công tác thu hút đầu tư.

- Ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư phù hợp với tiềm năng và điều kiện của tỉnh, có sức hấp dẫn đến nhà đầu tư.

- Huy động có hiệu quả nguồn vốn xã hội hóa, nhất là nguồn vốn trong Nhân dân; các nguồn vốn ODA, NGO, FDI.

- Tăng cường kết nối với các địa phương trong và ngoài nước, nhất là các tỉnh trong khu vực Bắc Trung bộ, các địa phương trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Mở rộng triển khai thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Tập trung thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để triển khai các dự án đầu tư.

- Hoàn thành Dự án Quốc lộ 15D kết nối Cửa khẩu quốc tế La Lay với Cảng Mỹ Thủy, Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây và các công trình giao thông của tỉnh với hệ thống giao thông quốc gia.

- Đẩy nhanh quá trình đầu tư để đưa vào khai thác Cảng Mỹ Thủy; Cảng Cửa Việt bờ Nam; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 về Cảng Cửa

Việt và đoạn từ Đông Hà lên Lao Bảo; đường từ Vĩnh Ô đi Hướng Lập; Cảng hàng không Quảng Trị; đường Hùng Vương nối dài giai đoạn 3.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu Công nghiệp Quán Ngang, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, Khu Công nghiệp Quảng Trị (VSIP 8), Khu Công nghiệp đa ngành Triệu Phú và các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu tại khu vực Cửa khẩu quốc tế La Lay để tiến tới thành lập Khu kinh tế cửa khẩu La Lay. Đầu tư Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo theo chủ trương của Chính phủ.

- Từng bước hiện đại và ngầm hoá lưới điện; nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới hệ thống điện lưới, đáp ứng nhu cầu truyền tải điện, phục vụ các dự án phát triển năng lượng trên địa bàn; trong đó, thúc đẩy hoàn thành xây dựng đường dây, trạm biến áp 220kV Đông Hà - Lao Bảo để đồng bộ với các dự án năng lượng tái tạo phía Tây của tỉnh; nghiên cứu và đề xuất Trung ương triển khai một số dự án truyền tải điện khác như Dự án đường dây điện 500KV từ Lào về Việt Nam qua địa bàn tỉnh Quảng Trị; Dự án TBA 500KV Quảng Trị, Dự án đường dây đầu nối Quảng Trị rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng và Dự án TBA 110 KV Mỹ Thủy...

- Triển khai các dự án xử lý rác thải từ nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu dịch vụ du lịch. Nghiên cứu xúc tiến, thu hút đầu tư xây dựng từ 1 - 2 nhà máy xử lý chất thải, nhà hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng các khu đô thị hiện đại. Thực hiện Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục ưu tiên đầu tư nguồn lực để căn bản hoàn thành các tiêu chí đô thị loại II, từng bước xây dựng và phát triển thành phố Đông Hà trở thành đô thị xanh, đô thị thông minh. Tập trung phân đầu xây dựng thị xã Quảng Trị đạt đô thị loại 3. Từng bước phát triển thị trường bất động sản.

- Hoàn thành đúng tiến độ việc xây dựng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đông Hà; Quy hoạch phát triển các khu đô thị ven biển có chất lượng, có tính khả thi cao; tập trung khắc phục hệ thống hạ tầng do ảnh hưởng lũ lụt, sạt lở. Nghiên cứu mở rộng địa giới hành chính thị xã Quảng Trị. Triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động; các công trình đê, kè phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; các khu neo đậu tránh trú bão, dịch vụ hậu cần nghề cá. Từng bước hoàn thành các tiêu chí về kết

cấu hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác chợ...

- Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải; triển khai thực hiện Đề án Lễ hội “Vì Hòa bình”; bảo tồn, tôn tạo di tích Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn giai đoạn 2; triển khai Dự án Phát triển Cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng, giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị; hoàn thiện Khu liên hiệp thể thao tỉnh; bảo tồn, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt Thành cổ Quảng Trị.

- Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Trị; đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện. Hoàn thành Đề án hệ thống y tế cơ sở; Đề án xóa phòng học tạm, phòng học mượn giai đoạn 2019 - 2021. Phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Từng bước hiện đại hóa, phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ cho chuyển đổi số, chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

3.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

4. Chương trình về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa

4.1. Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo

4.1.1. Mục tiêu: Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo theo hướng đổi mới, căn bản toàn diện.

4.1.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Rà soát, đánh giá từ đó đề xuất việc sắp xếp mạng lưới trường lớp phù hợp với điều kiện của từng địa phương, đơn vị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tăng cường công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

4.1.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ giáo viên; Đề án bảo đảm về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non, phổ thông;

Đề án phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

- Mở rộng mạng lưới trường lớp cho cấp học mầm non, tăng tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến lớp. Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Tập trung xây dựng, nâng cấp các khu nhà ở công vụ cho giáo viên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, tạo đột phá trong giáo dục mũi nhọn. Triển khai hiệu quả nhiệm vụ đổi mới nội dung, chương trình, sách giáo khoa phổ thông; đẩy mạnh dạy ngoại ngữ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục.

- Đẩy mạnh xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường đạt yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục. Phấn đấu đến năm 2025, trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia: cấp mầm non đạt 70%, cấp tiểu học đạt 80%, cấp THCS: 80%, trường phổ thông có nhiều cấp học đạt 60%, cấp THPT đạt 60%.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng tăng đào tạo công nhân có trình độ trung cấp và cao đẳng, gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội.

- Phát huy hiệu quả Trường Cao đẳng Kỹ thuật. Định hình mô hình hoạt động của Trường Cao đẳng Sư phạm và các trường, phân hiệu giáo dục chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chú trọng đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho lao động nông thôn.

4.1.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực văn xã chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

4.2. Chương trình phát triển y tế

4.2.1. Mục tiêu: Tăng cường chất lượng y tế đảm bảo yêu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số của tỉnh.

4.2.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Phát triển mạng lưới y tế đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân.

- Coi trọng và có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và y đức cho đội ngũ y bác sỹ, cán bộ ngành y tế.

- Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế, xây dựng các bệnh viện đối tác công

tư, bệnh viện tư nhân, bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng Đề án về phát triển sự nghiệp y tế, dân số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phân đầu đạt mức sinh thay thế và từng bước nâng cao chất lượng dân số của tỉnh.

4.2.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Phân đầu có 01 bệnh viện ngoài công lập đạt chuẩn quốc tế. Tạo điều kiện để chuyển Bệnh viện Quân y 268 về địa bàn tỉnh.

- Sắp xếp các cơ sở y tế theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả. Về hệ điều trị sắp xếp theo khu vực phía Nam, phía Tây, phía Bắc, trước mắt đầu tư xây dựng hệ điều trị của Trung tâm Y tế Vĩnh Linh thành Bệnh viện khu vực phía Bắc của tỉnh.

- Tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, miền núi và một số chuyên khoa. Phân đầu đến năm 2025, đạt tỷ lệ 11 bác sĩ/1 vạn dân, 35 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2030 đạt tỷ lệ 12 bác sĩ/1 vạn dân, 37 giường bệnh/1 vạn dân.

- Xây dựng danh mục kỹ thuật phù hợp các tuyến, tiến tới đảm bảo chất lượng dịch vụ đồng đều giữa các cơ sở y tế, các tuyến. Thực hiện cơ chế, chính sách và lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định.

- Nâng cao chất lượng hoạt động y tế cộng đồng, y tế dự phòng. Chú trọng phát triển y học cổ truyền.

- Tăng cường lồng ghép thực hiện các mục tiêu dân số vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phân đầu tuổi thọ trung bình đến năm 2025 là 74,5 tuổi và đến năm 2030 là 75 tuổi.

- Tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện mục tiêu y tế toàn dân. Phân đầu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2025 là 98% và đến năm 2030 là 100%.

4.2.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực văn xã chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

4.3. Chương trình phát triển văn hóa

4.3.1. Mục tiêu: Thực hiện hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật, thông tin - truyền thông và thể dục - thể thao, nâng cao đời sống tinh thần

của Nhân dân.

4.3.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, văn học nghệ thuật, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao.

- Xây dựng con người phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức, năng lực sáng tạo, ý thức công dân và sự tuân thủ pháp luật.

4.3.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Chú trọng đầu tư, bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể, các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy, đổi mới và nâng cao chất lượng các lễ hội mang nét đặc trưng riêng của Quảng Trị.

- Đầu tư nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các thiết chế văn hoá, thể thao, nhất là ở cơ sở; quan tâm hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các sinh hoạt văn hóa, thể thao ngoài trời, gắn với các công trình phúc lợi công cộng. Huy động các nguồn lực để phấn đấu đến năm 2025, 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao; 100% làng, thôn, bản, khu phố có nhà văn hóa - khu thể thao, trong đó có 90% đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, dự án phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, đề án chuyển đổi số quốc gia, tạo nền tảng tiếp cận và nắm bắt cơ hội chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hạ tầng kinh tế số.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch báo chí theo Kế hoạch số 2317/KH-UBND, ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh và truyền hình; các hoạt động văn học nghệ thuật, văn hóa, văn nghệ quần chúng... đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

- Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, rèn luyện thân thể trong Nhân dân; chú trọng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học; quan tâm phát triển thể thao thành tích cao, nhất là những bộ môn có thế mạnh.

- Đầu tư nguồn lực cho sự nghiệp văn hóa, văn học nghệ thuật theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát*

triển đất nước bền vững”.

- Xây dựng con người phát triển toàn diện thông qua việc quan tâm xây dựng đạo đức trong gia đình, trường học và xã hội, nhất là thế hệ trẻ; tạo điều kiện nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của Nhân dân.

4.3.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực văn xã chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

5. Chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo và thực hiện các chính sách an sinh xã hội

5.1. Mục tiêu: Thực hiện có hiệu quả giải quyết việc làm; tạo tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội; triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

5.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Thực hiện tốt các chương trình, đề án giải quyết việc làm gắn với phát triển đồng bộ thị trường lao động.

- Xây dựng và ban hành Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người nghèo; ưu tiên hỗ trợ các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất, bảo đảm 100% hộ gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của toàn tỉnh.

- Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đảm bảo an sinh xã hội. Đảm bảo cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, có điều kiện tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu.

5.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án giải quyết việc làm; chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp và áp dụng các thành tựu kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh xuất khẩu lao động gắn với tạo việc làm phù hợp cho người lao động khi trở về nước.

- Hỗ trợ việc làm, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững, tập trung xây dựng đề án và các giải pháp đồng bộ để giảm nghèo bền vững cho Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đào tạo nghề gắn

với tạo việc làm sau khi học nghề cho hộ nghèo, cận nghèo; tăng cường hỗ trợ xuất khẩu lao động cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách, người có công với cách mạng và hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng, gia đình liệt sỹ. Huy động nguồn lực xây dựng, nâng cấp, tôn tạo các nghĩa trang liệt sỹ, các công trình tri ân và chăm sóc người có công với cách mạng.

- Thực hiện tốt các chính sách của nhà nước về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, nhà ở phòng, tránh bão lụt, nhà ở cho người có công với cách mạng.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm.

5.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực văn xã chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

6. Chương trình phát triển khoa học công nghệ

6.1. Mục tiêu: Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ cao vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội; chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

6.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, gắn kết chặt chẽ giữa nhà nghiên cứu với người sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sản phẩm, hàng hoá...

- Phát triển một số ngành sản xuất, dịch vụ có hàm lượng khoa học công nghệ cao, công nghệ mới, nhất là quan tâm áp dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về

chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Đẩy mạnh tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh; đa dạng hóa thành phần tham gia và đầu tư nguồn lực khoa học và công nghệ, nhất là nguồn lực từ doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất.

6.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 190-KH/TU, ngày 12/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Trong đó, trọng tâm là các nội dung:

+ Phấn đấu đến năm 2025, kinh tế số chiếm khoảng 20% tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP).

+ Thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

+ Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Vận động Nhân dân sử dụng các dịch vụ số, thúc đẩy hình thành xã hội số.

+ Đổi mới cách dạy và học dựa trên cơ sở áp dụng công nghệ số.

+ Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

+ Phát triển thương mại điện tử, nông nghiệp số, du lịch số, công nghiệp văn hóa số, y tế số, giáo dục và đào tạo số.

- Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, sản xuất, kinh doanh, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất vật liệu mới.

- Nhân rộng các mô hình, tiến bộ khoa học đã được khẳng định hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thông qua điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến trong hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh.

- Phát triển nguồn lực khoa học công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có năng lực, trình độ. Mở rộng hợp tác khoa học công nghệ với các tỉnh, thành, các nước trong khu vực nhằm tiếp thu công nghệ mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ.

6.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

7. Chương trình quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

7.1. Mục tiêu: Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, đi đôi với bảo vệ các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu.

7.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, an ninh nguồn nước; xử lý kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

- Phấn đấu tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đến năm 2025 đạt 98%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn đến năm 2025 đạt 60%. tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch ở thành thị đến năm 2025 là 97% và đến năm 2030 là 99%; tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2025 là 97,5% và đến năm 2030 là 98%.

7.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Hoàn thiện hệ thống điều tra, đánh giá toàn diện về tài nguyên đất, cung cấp đầy đủ dữ liệu về đất đai phục vụ việc hoạch định chính sách. Trình Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Quảng Trị; phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 cấp huyện.

- Ban hành các quyết định của cơ quan nhà nước trong quản lý và sử dụng đất; hoàn thành các đề án trong lĩnh vực đất đai. Gắn quy hoạch với thực hiện tốt việc tạo mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng. Hạn chế việc lãng phí tài nguyên đất.

- Thực hiện tốt Đề án “Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”; Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh”; Đề án "Hoàn chỉnh việc đo đạc lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”; Dự án “Tăng cường công tác quản lý đất đai và xây

dựng cơ sở dữ liệu đất đai” (VILG); triển khai đo đạc địa hình quốc gia các thị trấn trên địa bàn tỉnh tỉ lệ 1/2000 đến 1/5000.

- Gắn khai thác khoáng sản với chế biến thành phẩm hàng hoá, hạn chế tình trạng bán nguyên liệu thô; tái tạo phục hồi môi trường vùng mỏ. Lựa chọn cấp phép đối với các đơn vị có đủ năng lực khai thác khoáng sản.

- Thực hiện tốt việc tổ chức thăm dò, bổ sung quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý khai thác khoáng sản.

- Tiếp tục tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thăm định và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước.

- Nâng cao chất lượng thăm định đánh giá tác động môi trường, thực hiện có hiệu quả công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tăng cường quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học; thực hiện bảo tồn trong hành lang đa dạng sinh học.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; hoàn thiện mạng lưới các trạm khí tượng hải văn phục vụ điều tra cơ bản, cảnh báo, dự báo biển, đặc biệt là mực nước biển dâng.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế biển theo Chương trình hành động số 144-CTHĐ/TU, ngày 24/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng và quan tâm đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào chế biến, xử lý rác thải nhằm đem lại lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường.

7.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực tài nguyên, môi trường chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

8. Chương trình về đối ngoại, hội nhập quốc tế

8.1. Mục tiêu: Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả hoạt động đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

8.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tăng cường các hoạt động hội nhập quốc tế, nhất là hội nhập kinh tế quốc tế; củng cố và phát triển các quan hệ hữu nghị, hợp tác có chiều sâu, ổn định, bền vững, hiệu quả.

- Đẩy mạnh phối hợp với các địa phương trên Hành lang kinh tế Đông - Tây; chú trọng phát triển mối quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh của nước bạn Lào có chung biên giới.

8.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Đổi mới phương thức liên kết, phối hợp với các tỉnh trong khu vực và các địa phương trên Hành lang kinh tế Đông - Tây trên nguyên tắc đồng thuận, hợp tác cùng có lợi.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài, viện trợ phi chính phủ.

- Tăng cường tiếp xúc, quảng bá hình ảnh, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh với các cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và nhà đầu tư nước ngoài.

- Thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài có nhiều điểm tương đồng với tỉnh và có tiềm năng, lợi thế khác biệt trong việc hợp tác phát triển kinh tế, nhất là tiếp tục tăng cường mối quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh của nước bạn Lào có chung biên giới.

8.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. Các đồng chí tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

9. Chương trình xây dựng chính quyền hoạt động hiệu quả

9.1. Mục tiêu: Xây dựng chính quyền vận hành thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

9.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, năng động, sáng tạo, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả.

- Chú trọng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công.

- Tập trung tạo dựng thể chế, cơ chế, chính sách, môi trường và điều kiện thuận lợi, an toàn.

9.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Bộ máy chính quyền tinh gọn, chuyển mạnh từ chức năng “quản lý” sang “phục vụ”; tách bạch giữa chức năng quản lý với chức năng kinh tế. Xây dựng hệ thống hành chính hợp lý, vận hành thông suốt. Lựa chọn, hiệp thương nhân sự có chất lượng và tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đủ trình độ, phẩm chất đạo đức, năng lực thi hành công vụ, có khả năng hội nhập, có bản lĩnh chính trị, tận tụy phục vụ Nhân dân; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính, siết chặt kỷ cương, kỷ luật, nhất là những người thường xuyên tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện hiệu quả việc đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để giữ vững kỷ cương, kỷ luật; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

9.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. Các đồng chí Tỉnh ủy viên chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

10. Chương trình về quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội

10.1. Mục tiêu: Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

10.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, “*thể trận lòng dân*” vững chắc.

- Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “*diễn*

biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

- Tập trung xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

- Có giải pháp hiệu quả ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng sử dụng, mua bán ma túy trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo; góp phần xây dựng tuyến biên giới Việt - Lào hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển.

10.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị về “*Xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới*”, các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị về Chiến lược quốc phòng Việt Nam, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược an ninh mạng quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược biển Việt Nam...

- Đầu tư xây dựng một số công trình trọng điểm trong khu vực phòng thủ. Chủ động chuẩn bị lực lượng, phương tiện và phương án ứng phó với những tình huống phức tạp trên Biển Đông; bảo vệ ngư dân khai thác ngư trường thuộc vùng biển chủ quyền quốc gia.

- Nâng cao chất lượng xây dựng cơ sở xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện, cụm xã, phường, thị trấn an toàn làm chủ.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm, Chiến lược quốc gia phòng, chống kiểm soát ma túy; triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm.

- Chủ động nắm tình hình, giải quyết tốt những phức tạp từ cơ sở, không để hình thành “*điểm nóng*”. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, xã hội, các mục tiêu trọng điểm.

- Chủ động đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy, tén dụng đen, sử dụng công nghệ cao, không để hình thành tội

phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu “*xã hội đen*”.

- Xây dựng cơ quan quân sự, công an, bộ đội biên phòng các cấp vững mạnh toàn diện, đảm bảo tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, công an xã, bảo vệ dân phố, tổ chức quần chúng tự quản về an ninh trật tự đủ số lượng, nâng cao chất lượng, sẵn sàng chiến đấu.

- Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; huy động lực lượng dự bị động viên đạt trên 95%; xây dựng lực lượng công an xã, phường, thị trấn vững mạnh, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ổn định đạt 1,5% dân số; 100% xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh tổ chức tiểu đội dân quân thường trực hoạt động có hiệu quả.

- Có kế hoạch nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai; chủ động huy động lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ Nhân dân phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

- Triển khai thực hiện Đề án “*Xây dựng Hải đội dân quân thường trực tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới*”, Đề án “*Xây dựng chốt dân quân thường trực biên giới đất liền đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ biên giới đất liền trong tình hình mới*”.

- Tổ chức thành công các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn. Quan tâm thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội.

- Thực hiện tốt công tác đối ngoại quốc phòng - an ninh, nhất là quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa lực lượng vũ trang Quảng Trị với lực lượng vũ trang các tỉnh Salavan và Savannakhet của nước bạn Lào có chung đường biên giới.

10.4. Phân công thực hiện: Ban cán sự đảng UBND tỉnh; đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung; đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo trên lĩnh vực quốc phòng, quân sự địa phương; đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh chỉ đạo chung trên lĩnh vực an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, các địa phương, các sở, ban, ngành liên quan phối hợp tổ chức thực hiện.

B. CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Về công tác xây dựng Đảng

1.1. Mục tiêu: Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

1.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, phát huy ý chí tự cường dân tộc, khát vọng phát triển; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam; tăng cường, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức xây dựng Đảng.

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Tăng cường công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong Đảng.

1.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

1.3.1. Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu của từng cấp ủy địa phương, đơn vị.

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, báo chí - xuất bản, văn hoá - văn nghệ, khoa giáo, lịch sử Đảng. Chú trọng giáo dục lý luận chính trị đối với thế hệ trẻ. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, truyền thông, nhất là trên không gian mạng.

- Chủ động nắm, dự báo sát đúng tình hình tư tưởng, dư luận và tâm trạng xã hội; kịp thời xử lý thông tin và định hướng tư tưởng, dư luận gắn với giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của Nhân dân, các vấn đề nhạy cảm, phức tạp phát sinh.

- Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; thực hiện hiệu quả việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thông tin xấu, độc của các đối tượng suy thoái, thế lực thù địch, phản động; xử lý nghiêm các vi phạm.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đẩy mạnh học

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; Quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

- Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong Nhân dân, tạo sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

1.3.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức xây dựng Đảng

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, nhất là chi bộ khu dân cư. Rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

- Đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và dự nguồn giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Ban hành và triển khai thực hiện các quy định: (1) Quy định về quản lý tổ chức bộ máy và biên chế của hệ thống chính trị; (2) Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng; (3) Quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; (4) Quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; (5) Hướng dẫn về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; (6) Hướng dẫn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong tỉnh; (7) Sửa đổi, bổ sung Quy định số 15-QĐ/TU, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về tuyển dụng công chức, viên chức vào làm việc cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện”.

1.3.3. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Đảng, của cấp ủy các cấp về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Tập trung chỉ đạo, thực hiện việc xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy chế làm việc, quy chế, quy định, quy trình kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban kiểm tra, chi bộ.

- Xây dựng và chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hàng năm đảm bảo khoa học, theo đúng phương châm “Giám sát phải mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”; phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, tránh chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng, thời điểm giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của Nhà nước. Tập trung kiểm tra, giám sát toàn diện các lĩnh vực.

- Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện toàn diện, có hiệu quả các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng. Chủ động nắm tình hình, phát hiện, kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm, kể cả cấp ủy viên cùng cấp. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, những lĩnh vực dễ xảy ra vi phạm, những nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm.

- Giải quyết kịp thời, dứt điểm và đúng quy định các vụ việc nổi cộm, đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đảng, đảng viên.

- Kiên quyết xử lý và chỉ đạo xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật đảng và công khai kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin góp phần giáo dục, răn đe, cảnh tỉnh, ngăn ngừa vi phạm.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Quy chế phối hợp giữa ban kiểm tra cấp ủy với tổ chức đảng, cơ quan có liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

- Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ban kiểm tra cấp dưới, nhất là trong các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, lĩnh vực nhạy cảm, quan trọng và xử lý vi phạm kỷ luật đảng.

- Đổi mới, kiện toàn ban kiểm tra, tổ chức bộ máy cơ quan ban kiểm tra các cấp đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường nghiên cứu, lý luận, sơ kết, tổng kết thực tiễn, học tập, trao đổi kinh nghiệm để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của Đảng bộ tỉnh.

- Xây dựng Đề án về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ban kiểm tra các cấp sang công tác các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra theo Kết luận số 312-TB/TW, ngày 09/3/2010 của Ban Bí thư Trung ương

Đảng; Đề án khoa học cấp tỉnh “*Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp*”.

1.3.4. Tăng cường công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và các cơ quan nhà nước trong mọi hoạt động. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống tham nhũng, nhất là các quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các lĩnh vực: (1) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới; (2) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong công tác kiểm tra, giám sát và giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị, khởi tố các vụ việc, vụ án liên quan đến nội dung nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp; (3) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền trong việc giải quyết khiếu nại, khiếu kiện hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng, nhất là việc kiểm tra, rà soát các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát và thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước hàng năm; phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan nội chính; tăng cường giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Nâng cao chất lượng công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 9/11/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc*”; Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*”.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo tinh thần Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị và Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Ban Bí thư; xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ

việc tồn đọng, kéo dài, các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với các cơ quan trong khối nội chính; củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ khối nội chính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

1.3.5. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân

- Tăng cường công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt, cụ thể hóa triển khai, hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực tiễn việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, của Tỉnh ủy liên quan đến công tác dân vận, trọng tâm là: Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Kết luận số 43-KL/TW, ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về *“Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”*; Quyết định số 290-NQ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Nâng cao vai trò, nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận; thực hiện tư tưởng *“lấy dân làm gốc”* và phong cách dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”* tạo sự đồng thuận, hưởng ứng mạnh mẽ của Nhân dân theo quan điểm *“ý Đảng, lòng dân”*.

- Tập trung, phối hợp tham mưu Tỉnh ủy đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận của hệ thống chính trị; công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở theo phương châm *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân hưởng thụ”*; tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp; đẩy mạnh xây dựng, phát huy vai trò lực lượng chính trị nòng cốt, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và cốt cán tôn giáo; xây dựng và nhân rộng mô hình điển hình trong thực hiện phong trào thi đua *“Dân vận khéo”* trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*; hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, nắm, dự báo đúng tình hình Nhân dân tham mưu đề xuất cấp ủy chỉ đạo, giải quyết kịp thời những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; tiếp tục thực hiện tốt công tác dân vận trong giải phóng mặt bằng; công tác hòa giải, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân.

- Tham mưu xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới; thường xuyên kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ của hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tham mưu Tỉnh ủy ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh: Nghị quyết về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận của hệ thống chính trị trong tình hình mới ở tỉnh Quảng Trị”*; Chỉ thị về *“Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Trị”*; tổ chức các hội thảo với chủ đề: *“Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Khối Dân vận xã, phường, thị trấn”*; *“Công tác dân vận trong giải hòa ở cơ sở”*; *“Giải pháp nâng cao chất lượng về đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội”*; tổ chức hội nghị tổng kết, biểu dương điển hình *“Dân vận khéo”* trong toàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; nghiên cứu, xây dựng các đề án, đề tài và đề xuất các chủ trương liên quan đến lĩnh vực công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng.

1.3.6. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

- Nâng cao tính khả thi trong ban hành chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp ủy đảng; chú trọng cân đối các nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Nâng cao năng lực tham mưu của các ban xây dựng đảng, năng lực lãnh đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng. Chỉ đạo, lãnh đạo chính quyền thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng thành cơ chế, chính sách của địa phương.

- Thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương của Đảng.

- Thực hiện đúng nguyên tắc về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; thực hiện tốt nguyên tắc Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay. Thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy.

- Thực hiện dân chủ trong Đảng gắn với thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng, chống chạy chức chạy quyền. Giữ gìn đoàn kết trong cấp ủy.

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu cấp ủy; tiếp tục thực hiện chủ trương ký cam kết trách nhiệm người đứng đầu, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, ứng dụng hiệu quả công nghệ

thông tin trong hoạt động lãnh đạo, điều hành của cấp ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy. Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

1.4. Phân công thực hiện: Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo chung. Các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy là trưởng các ban Đảng, lãnh đạo các ban đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy phối hợp, tổ chức thực hiện.

2. Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

2.1. Mục tiêu: Tiếp tục phát huy dân chủ, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân thông qua vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

2.2. Nhiệm vụ trọng tâm

Tăng cường vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; trong giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

2.3. Các giải pháp cụ thể cần tập trung chỉ đạo

- Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động và tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng sát dân, hướng về cơ sở, là cầu nối, trung tâm đoàn kết, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội và kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát.

- Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, các cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, kiều bào ở nước ngoài, con em người Quảng Trị trên cả nước.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, xây dựng và củng cố các tổ hòa giải cơ sở, thực hiện dân chủ, giảm thiểu mâu thuẫn, tranh chấp từ cơ sở.

- Tiếp tục duy trì hiệu quả việc kêu gọi, vận động, quyên góp xây dựng Quỹ “*Vì người nghèo*”, hỗ trợ Nhân dân gặp hoạn nạn, khó khăn, xây dựng “*Nhà tình nghĩa*”, ủng hộ các đối tượng yếu thế trong xã hội, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng giáo dục ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, trình độ

chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, ý thức phấn đấu vươn lên của giai cấp công nhân trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Thực hiện tốt công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở ở khu vực doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, xây dựng nông thôn mới. Xây dựng giai cấp nông dân đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững*” gắn với phát triển xây dựng các mô hình kinh tế trong nông dân, nông thôn. Xây dựng Đề án phát triển Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh giai đoạn 2021 - 2026.

- Phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức Đoàn trong đoàn kết, tập hợp rộng rãi thanh, thiếu niên. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng chính trị, lý tưởng cách mạng, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức chấp hành pháp luật trong thế hệ trẻ. Tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, cống hiến, giải trí, phát triển tài năng, trí tuệ, xung kích sáng tạo làm chủ khoa học công nghệ và khởi nghiệp.

- Tăng cường vai trò của các cấp hội phụ nữ trong chăm lo nâng cao trình độ, kỹ năng và đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ; chủ động tham gia giải quyết các vấn đề thiết thân của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện để phụ nữ phát triển tài năng, vai trò, trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội; bảo đảm tỉ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, chính quyền các cấp. Đổi mới mạnh mẽ tổ chức và hoạt động, tạo sự phát triển bền vững của tổ chức Hội. Xây dựng Đề án phát triển và tạo nguồn cán bộ nữ giữ các chức danh lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị; Đề án giảm thiểu rác thải nhựa bảo vệ môi trường, hướng tới cộng đồng phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội Cựu chiến binh các cấp; cựu chiến binh, cựu quân nhân rèn luyện, giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững; tích cực tham gia giáo dục truyền thống các mạng cho thế hệ trẻ; đấu tranh phòng, chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, tệ nạn xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các hội thành viên của Hội Văn học - Nghệ thuật, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật và các tổ chức thành viên xây dựng tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; phát huy vai trò tư vấn, phản biện, năng lực sáng tạo văn học nghệ thuật, khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Các tổ chức hội quần chúng tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của hội viên và Nhân dân. Tiếp tục thực hiện đúng nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hội.

- Phát huy tốt vai trò của đội ngũ doanh nhân để đóng góp nhiều công sức, trí tuệ trong xây dựng quê hương.

- Tăng cường đoàn kết, bình đẳng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng nông thôn mới, không ngừng cải thiện đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tạo điều kiện để các tôn giáo trên địa bàn sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo được pháp luật quy định; chủ động phòng ngừa, đấu tranh những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và tiến hành các hoạt động tín ngưỡng trái quy định pháp luật.

2.4. Phân công thực hiện: Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam tỉnh chỉ đạo chung. Các đồng chí Tỉnh ủy viên theo phân công phụ trách và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, các tổ chức hội quần chúng và các cơ quan liên quan triển khai, phối hợp, tổ chức thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo cụ thể hoá các chương trình bằng nghị quyết của Hội đồng nhân dân và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xây dựng kế hoạch hành động, các đề án, dự án cụ thể để thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng bộ máy nhà nước, cải cách hành chính. Trong đó phân công trách nhiệm cụ thể từng địa phương, các sở, ban, ngành liên quan chủ trì và phối hợp; đồng chí Chủ tịch và các Phó chủ tịch, Ủy viên UBND tỉnh chủ trì các chương trình, đề án, dự án...; có quy định thời gian thực hiện, mục tiêu, kết quả đạt được, các nguồn lực đảm bảo, trách nhiệm phối hợp của các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng đoàn MTTQVN tỉnh và các đoàn thể nhân dân, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn xây dựng kế hoạch hành động thực hiện chương trình, có phân công trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân, đơn vị liên quan.

4. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức nghiên cứu, quán triệt trong toàn thể cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện. Tổ chức sơ kết hàng năm, giữa nhiệm kỳ để đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

5. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo nhiệm vụ và nội dung công việc được phân công xây dựng kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện các chương trình.

6. Giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình hành động và định kỳ kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng,
- Các Ban Đảng, VPTW Đảng,
- Đảng ủy Quân khu 4,
- Các Vụ của các ban Đảng, VPTW theo dõi địa bàn Quảng Trị,
- Các BCS đảng, Đảng đoàn,
- Các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Lê Quang Tùng